

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 03/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**

Thời gian: 13h00 * Ngày thi: 29/03/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	28205105896	Nguyễn Thị Hoài	An	02/01/2004	Đà Nẵng	31TBN17	9.0	6.8	Đạt	
2	28218105067	Nguyễn Văn	An	30/08/2004	Quảng Ngãi	31TBN17	7.7	9.3	Đạt	
3	28207254666	Trần Nguyên Bảo	An	24/08/2004	Đà Nẵng	31TSC15	10.0	7.4	Đạt	
4	28206620073	Lê Phạm Mai	Anh	05/03/2004	Đà Nẵng	31TBN17	5.3	6.8	Đạt	
5	28208034385	Trần Thị Quỳnh	Anh	30/05/2004	Đà Nẵng	31SHT8	6.3	4.0	Không Đạt	
6	27202241869	Võ Thị Kiều	Anh	26/05/2003	Nghệ An	31CHT7	6.3	4.0	Không Đạt	
7	28204605591	Bùi Thị Ngọc	Ánh	28/03/2004	Quảng Nam	31TBN17	10.0	5.5	Đạt	
8	28216606403	Lê Thiên	Ban	14/07/2004	Quảng Nam	31TSC15	8.7	6.3	Đạt	
9	28212301206	Đoàn Văn	Bằng	21/07/2004	Lâm Đồng	31CYC8	7.0	6.3	Đạt	
10	29204320569	Phan Hoàng Bảo	Châu	04/05/2005	Đà Nẵng	31CSC10	6.0	5.5	Đạt	
11	28206231623	Đoàn Thị Anh	Đào	03/02/2004	Quảng Nam	31TSC8	9.3	7.0	Đạt	
12	29209449373	Võ Thị Kim	Diệu	24/05/2005	Gia Lai	31CSC10	7.0	6.3	Đạt	
13	30265280004	Võ Trịnh Kiều	Đông	14/11/2000	Huế	31TBN17	7.7	5.3	Đạt	
14	28204536311	Nguyễn Lê Mỹ	Dung	07/08/2004	Quảng Trị	31TBN17	V	V	Không Đạt	
15	28208151835	Thái Thùy	Dung	07/04/2004	Đà Nẵng	31TSC15	9.7	6.5	Đạt	
16	28208151838	Trần Thị Thùy	Dương	01/06/2004	Đà Nẵng	31TSC15	9.3	9.9	Đạt	
17	28206601528	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	27/07/2004	Phú Yên	31TBN6	3.7	3.0	Không Đạt	
18	28204901063	Phạm Thị Khánh	Duyên	04/06/2004	Đà Nẵng	31TBN17	10.0	7.0	Đạt	
19	28205239290	Nguyễn Thị Huỳnh	Giang	26/02/2004	Quảng Nam	31CSC10	8.0	5.0	Đạt	
20	29204325506	Trần Hà	Giang	17/11/2005	Đà Nẵng	31CSC10	7.3	5.9	Đạt	
21	28204639539	Bùi Trần Trúc	Hà	21/07/2004	Bình Định	31SHT8	6.3	5.3	Đạt	
22	28204638810	Nguyễn Thị	Hà	27/02/2004	Đà Nẵng	31SYC7	7.0	5.0	Đạt	
23	28208151980	Phan Ngọc Xuân	Hân	01/10/2004	Bình Định	31SSC6	7.0	5.3	Đạt	
24	29206731785	Lê Minh	Hằng	29/03/2005	Quảng Trị	31TBN17	6.7	6.5	Đạt	
25	28208149510	Lê Thị Kim	Hằng	26/02/2004	Quảng Nam	31CSC10	9.3	6.1	Đạt	
26	28204305312	Phạm Ánh	Hằng	02/03/2004	Đà Nẵng	31TSC15	4.0	3.4	Không Đạt	
27	29204734489	Phan Nguyễn Thúy	Hằng	19/09/2005	Quảng Nam	31TBN17	7.7	2.8	Không Đạt	
28	28205134240	Võ Thị	Hằng	17/02/2004	Đắk Lắk	31SYC7	7.0	6.1	Đạt	
29	29204323361	Nguyễn Lê Bích	Hậu	04/10/2005	Bình Định	31TSC15	10.0	9.5	Đạt	
30	27202247179	Nguyễn Thị Thu	Hiền	21/03/2003	Quảng Ngãi	30CHT7	7.3	5.0	Đạt	
31	27202247215	Lương Thị Kim	Hiếu	20/03/2003	Quảng Ngãi	30THT10	6.3	2.5	Không Đạt	
32	28214602719	Võ Công	Hiếu	20/09/2004	Quảng Nam	30TBN14	6.7	7.9	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NOI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	28204605410	Đào Thị Lê	Hoa	21/10/2004	Huế	31CSC10	7.0	5.5	Đạt	
34	29206954548	Nguyễn Thị Cúc	Hoa	21/02/2004	Quảng Nam	31CSC10	9.7	6.1	Đạt	
35	28214943276	Bùi Đức	Hoàng	24/08/2004	Nghệ An	31TSC15	9.0	9.5	Đạt	
36	28208106930	Nguyễn Ánh	Hồng	19/09/2004	Quảng Trị	31SSC7	7.3	6.3	Đạt	
37	28214600151	Hà Mạnh Nhật	Huy	22/02/2004	Thừa Thiên H	31CSC10	7.0	5.0	Đạt	
38	27214337044	Nguyễn Quang	Huy	03/04/2003	Gia Lai	31TSC15	6.3	5.0	Đạt	
39	29204623005	Ngô Lý Khánh	Huyền	02/01/2005	Đà Nẵng	31TSC13	6.3	3.5	Không Đạt	
40	28209447600	Trịnh Phạm Tú	Kha	13/10/2004	Đắk Lắk	31TSC15	7.7	5.5	Đạt	
41	28218021742	Lê Nhật	Khánh	13/11/2004	Hội An	31TSC15	9.7	5.8	Đạt	
42	28218004763	Vũ Hà Minh	Khoa	27/04/2004	Đà Nẵng	31TBN17	5.3	2.4	Không Đạt	
43	29204859004	Kiều Thị Mỹ	Lệ	02/08/2005	Đà Nẵng	31CSC10	6.7	5.0	Đạt	
44	30265280006	Đoàn Nguyễn Khánh	Linh	03/07/2000	Quảng Trị	31TBN17	9.7	2.0	Không Đạt	
45	28214843933	Phan Mai Phương	Linh	13/09/2004	Quảng Bình	31TSC15	9.3	5.9	Đạt	
46	29208455910	Trần Thùy	Linh	09/06/2005	Đà Nẵng	31CSC10	6.0	6.9	Đạt	
47	27211637129	Nguyễn Thành	Long	15/06/2003	Quảng Ngãi	31TYC6	6.0	V	Không Đạt	
48	30265280010	Trần Thị	Luyến	08/08/1998	Gia Lai	31TBN17	7.3	5.0	Đạt	
49	28204853941	Đặng Tường	Ly	15/10/2004	Đà Nẵng	31CHT2	6.7	5.3	Đạt	
50	28204635079	Huỳnh Mai	Ly	13/03/2004	Phú Yên	31THT15	9.7	7.4	Đạt	
51	28206802063	Phạm Thị Mỹ	Ly	10/03/2004	Đắk Lắk	31TSC15	7.7	5.0	Đạt	
52	28204603632	Trần Thị Hoài	Ly	20/11/2004	Thừa Thiên H	31CSC10	9.3	6.3	Đạt	
53	29206535834	Nguyễn Thị	Mận	26/03/2005	Quảng Nam	31CSC10	9.7	7.0	Đạt	
54	29206565362	Nguyễn Ngọc Trà	My	29/09/2005	Quảng Trị	31TBN17	V	V	Không Đạt	
55	28204706877	Phạm Thúy	My	26/07/2004	Quảng Ngãi	31CSC10	5.3	5.0	Đạt	
56	28208103017	Dương Thị Ngọc	Mỹ	01/01/2003	Quảng Ngãi	31THT13	5.7	5.1	Đạt	
57	28208102776	Nguyễn Võ Lê	Na	23/10/2004	Bình Định	31CSC10	9.7	7.0	Đạt	
58	27202127505	Đặng Thị Lệ	Nga	28/11/2003	Quảng Ngãi	30SYC5	6.0	2.3	Không Đạt	
59	28206101524	Đinh Thị Thanh	Ngân	09/11/2004	Gia Lai	31TSC15	7.7	5.0	Đạt	
60	28209406385	Nguyễn Kim	Ngân	25/01/2004	Gia Lai	31THT13	7.0	5.6	Đạt	
61	28205002341	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	13/02/2004	Quảng Ngãi	31TSC15	8.7	5.0	Đạt	
62	28204606505	Phạm Thị Thảo	Nguyên	06/06/2004	Quảng Nam	31SBN8	7.3	3.8	Không Đạt	
63	28206637721	Trần Thị Thanh	Nhân	19/12/2004	Quảng Trị	31TSC15	8.7	4.3	Không Đạt	
64	28211103457	Nguyễn Minh	Nhật	16/01/2003	Đà Nẵng	31TBN17	9.7	7.8	Đạt	
65	30265280003	Lê Thị Hoài	Nhi	19/10/1998	Quảng Trị	31TBN17	9.3	6.8	Đạt	
66	28204900788	Nguyễn Thị Yến	Nhi	27/03/2003	Đắk Lắk	31SBN7	9.3	6.0	Đạt	
67	29206525100	Phan Hoài	Nhi	21/07/2005	Quảng Trị	31TSC15	8.3	3.9	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28204634745	Trần Quỳnh	Như	20/08/2004	Quảng Bình	31CSC10	9.3	6.0	Đạt	
69	30265280008	Lê Thị	Nhung	24/11/1995	Gia Lai	31TBN17	8.3	7.0	Đạt	
70	28204600792	Nguyễn Thị Kim	Oanh	21/02/2004	Quảng Ngãi	31CSC10	10.0	6.0	Đạt	
71	28208101682	Dương Thị Hồng	Phấn	10/03/2004	Bình Định	31TBN13	7.0	5.9	Đạt	
72	28212303458	Nguyễn Phạm Hoàng	Phát	10/12/2004	Quảng Nam	31CYC8	6.0	5.3	Đạt	
73	28214601540	Nguyễn Đình	Phước	04/11/2004	Đà Nẵng	31CSC10	6.7	6.6	Đạt	
74	28204231759	Lê Thị Huyền	Phương	01/05/2004	Nghệ An	31CSC10	9.3	2.5	Không Đạt	
75	27215432224	Phạm Nguyễn Anh	Phương	14/10/2003	Lâm Đồng	31TBN17	10.0	9.9	Đạt	
76	29206757780	Vũ Hà	Phương	18/07/2005	Gia Lai	31CSC10	V	V	Không Đạt	
77	28204325393	Nguyễn Phạm Lệ	Quyên	12/04/2004	Đắk Lắk	31TSC15	10.0	6.3	Đạt	
78	28206200711	Nguyễn Thị Kim	Quyên	10/02/2004	Thừa Thiên H	30THT9	5.3	3.9	Không Đạt	
79	28206701310	Cao Thị Như	Quỳnh	04/06/2004	Huế	31TSC15	9.3	6.8	Đạt	
80	30265280002	Y	Thắm	20/11/2000	Quảng Ngãi	31TBN17	6.7	6.0	Đạt	
81	28215103473	Mai Quốc	Thắng	22/12/2004	Gia Lai	31CSC10	5.3	5.0	Đạt	
82	28213600690	Nguyễn Việt	Thành	18/08/2004	Bình Định	31TYC7	9.7	5.8	Đạt	
83	28208152323	Trần Thị Thu	Thao	13/09/2004	Quảng Bình	31SHT6	6.3	3.6	Không Đạt	
84	28206650597	Hoàng Ngọc Anh	Thảo	24/01/2004	Đà Nẵng	31TBN6	8.7	6.0	Đạt	
85	28204653171	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	07/07/2004	Quảng Nam	31SYC7	7.7	5.0	Đạt	
86	28207102183	Nguyễn Thị Thu	Thảo	12/12/2004	Quảng Nam	31CSC3	5.7	5.3	Đạt	
87	28208004962	Trần Thị Phương	Thảo	23/01/2004	Quảng Nam	31TSC15	9.0	5.0	Đạt	
88	29204551372	Võ Thị Minh	Thảo	17/08/2005	Quảng Nam	31TBN17	6.3	5.0	Đạt	
89	28215202199	Nguyễn Ngọc	Thịnh	15/02/2003	Quảng Nam	31CHT1	9.0	5.5	Đạt	
90	30265280014	Phạm Thị	Thịnh	19/09/2000	Quảng Ngãi	31TBN17	9.0	5.0	Đạt	
91	28207201158	Tây Anh	Thư	15/10/2004	Quảng Nam	31TSC15	9.0	5.8	Đạt	
92	28206101969	Phạm Trương Hoài	Thương	20/01/2004	Gia Lai	31TSC15	7.7	6.4	Đạt	
93	29204856417	Lê Thị Ngọc	Thùy	07/02/2005	Đắk Lắk	31CSC10	8.7	6.3	Đạt	
94	29206557659	Đặng Thị	Thùy	14/04/2005	Quảng Trị	31TSC15	8.3	6.0	Đạt	
95	28204350021	Lê Thị Thủy	Tiên	24/06/2004	Hà Tĩnh	31SSC6	7.0	5.1	Đạt	
96	28218151935	Phạm Quang	Tiếp	13/11/2004	Hung Yên	31SSC6	7.3	5.9	Đạt	
97	28216602247	Văn	Toàn	28/11/2004	Quảng Nam	31TSC15	9.7	6.9	Đạt	
98	29204961390	Lê Đào Thanh	Trà	17/07/2005	Quảng Bình	31TSC15	10.0	9.5	Đạt	
99	28204800946	Lê Thị Huyền	Trang	22/03/2004	Thanh Hóa	31TBN17	8.0	8.4	Đạt	
100	28209404740	Nguyễn Thị Đoan	Trang	17/10/2004	Quảng Trị	31TBN17	9.7	5.0	Đạt	
101	30265280011	Trần Huyền	Trang	10/07/2000	Quảng Bình	31TBN17	9.0	5.0	Đạt	
102	28204303134	Nguyễn Thanh	Trúc	26/11/2004	Quảng Ngãi	31CSC10	8.3	5.1	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	28212238142	Đặng Thành	Trung	26/10/2004	Đà Nẵng	31TSC15	8.3	5.8	Đạt	
104	30275280012	Hoàng Minh	Tuấn	07/03/1993	Đà Nẵng	31TBN17	V	V	Không Đạt	
105	28214628675	Lê Thiện	Tuấn	14/06/2004	Đà Nẵng	31TBN15	6.7	3.8	Không Đạt	
106	28214928820	Phan Thanh	Tuấn	20/10/2004	Đà Nẵng	31TSC15	8.7	9.5	Đạt	
107	28204605086	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyền	02/06/2004	Bình Định	31TSC15	9.3	5.5	Đạt	
108	28208202598	Phan Thị Thu	Tuyền	20/08/2004	Đà Nẵng	31SYC6	5.3	3.5	Không Đạt	
109	28204501753	Lê Bảo	Uyên	24/08/2004	Quảng Nam	31TBN17	9.7	4.0	Không Đạt	
110	27217501904	Nguyễn Phương	Uyên	04/12/2003	Quảng Nam	31CYC2	6.7	1.8	Không Đạt	
111	29206255036	Phạm Thị Tường	Vân	11/01/2005	Quảng Nam	31TBN17	9.0	5.8	Đạt	
112	28204600594	Phạm Tường	Vi	10/11/2003	Đà Nẵng	31CBN7	8.7	8.5	Đạt	
113	27207300944	Nguyễn Lê Hà	Vy	13/10/2003	Thanh Hóa	31CSC10	5.0	5.0	Đạt	
114	28209347123	Nguyễn Thị Thảo	Vy	25/09/2004	Đà Nẵng	31TBN17	8.3	6.0	Đạt	
115	29204920095	Trần Khánh	Vy	27/10/2005	Quảng Bình	31CSC10	V	V	Không Đạt	
116	28214600713	Nguyễn Gia	Vỹ	01/04/2002	Kon Tum	31CBN7	8.3	8.0	Đạt	
117	28208103136	Ngô Thị Như	Ý	02/12/2004	Quảng Nam	31TSC15	8.3	5.0	Đạt	
118	25203309723	Phạm Thái Kim	Yến	29/12/2001	Đà Nẵng	30SBN4	8.7	5.5	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh